TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2025/DS-ST
Ngày 28 – 5 – 2025
V/v tranh chấp HĐ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Minh Hoàng
2. Ông Trần Văn Giang

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 597/2024/TLST-DS, ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần P; Địa chỉ: Số 25 Bis, đường Nguyễn Thị Minh K, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lê Chí T, sinh năm 1993; Chức vụ: Trưởng bộ phận khách hàng của Ngân hàng thương mại cổ phần P chi nhánh Cà Mau – Phòng giao dịch Năm Căn; Là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần P theo văn bản ủy quyền số: 71/2024/GUQ-HDBank ngày 18/11/2024 (xin vắng mặt khi tuyên án).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1977 và anh Nguyễn Việt S, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp Tân Quảng A, xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị L và anh Lê Quốc D; Địa chỉ: ấp Tân Quảng B, xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần P (gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng cấp tín dụng hạn mức cho vợ chồng anh Nguyễn Việt S, chị Lê Thị N vay tiền nhằm mục

đích để nuôi thủy sản, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 17134/23MN/HĐTD, ký ngày 14/7/2023 cho vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 60 tháng. Đến ngày 22/7/2024, vợ chồng ông S ký khế ước nhận nợ số 17134/23MN/HĐTD/KUNN02 và Ngân hàng đồng ý giải ngân cho vợ chồng anh S vay hết số tiền theo hạn mức cấp tín dụng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất thỏa thuận là 12%/năm và lãi suất này được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên nhận nợ được giải ngân tiền vay. Sau thời hạn trên, lãi suất trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Ngoài ra, hợp đồng còn quy định lãi suất nợ quá hạn, lãi suất chậm trả và phí.

Khi vay, anh S cùng chị N thế chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 329521 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho anh Lê Quốc D vào ngày 06/4/2020 được thay đổi chỉnh lý trang 4 cho chị Lê Thị N đứng tên ngày 12/7/2023; Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 329522 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho anh Lê Quốc D vào ngày 06/4/2020 được thay đổi chỉnh lý trang 4 cho chị Lê Thị N đứng tên ngày 12/7/2023. Việc thế chấp có lập hợp đồng được công chứng chứng thực và có đăng ký thế chấp tại cơ quan đăng ký thế chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh S và chị N không thực hiện đúng cam kết trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng và tính đến ngày 27/5/2025, anh S cùng chị N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.265.331.281 đồng (một tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm tám mươi mốt đồng) trong đó, nợ gốc là 1.200.000.000 đồng và nợ lãi là 65.331.281 đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh S, chị N trả một lần xong số tiền nợ trên cùng lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp anh S cùng chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2025, anh Lê Quốc D và chị Lê Thị L (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Anh Lê Quốc D là em ruột của chị Lê Thị N, là chồng của chị Lê Thị L. Anh D, chị L xác định phần đất và tài sản gắn liền với đất mà vợ chồng anh S, chị N thế chấp tại Ngân hàng anh, chị đã tặng cho chị N nên chị N, anh S là người có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Nếu anh S, chị N không đủ khả năng trả nợ thì anh, chị cũng đồng ý cho Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đồng thời, do điều kiện đi lại khó khăn nên anh D, chị L xing vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đối với chị Lê Thị N và anh Nguyễn Việt S (bị đơn) tuy đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh, chị không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng (nguyên đơn).

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên xét xử không rõ lý do, riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có lời khai và có ý kiến xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ các Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc xin vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, có quy định lãi suất cụ thể là hợp đồng tín dụng số 17134/23MN/HĐTD, ký ngày 14/7/2023 và khế ước nhận nợ số 17134/23MN/HĐTD/KUNN02 ký ngày 22/7/2024. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả lãi theo thoả thuận là đã vi phạm điều khoản cam kết nên được xem xét làm cơ sở để thanh lý hợp đồng.

Mặc dù, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không đến Toà cũng không gửi văn bản ý kiến để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên toà, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thể hiện việc bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn đến nay chưa trả là sự thật nên không phải chứng minh và tính đến 27/5/2025, bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản với tổng số tiền là 1.265.331.281 đồng (một tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm tám mươi mốt đồng). Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ nêu trên cùng lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 12974/23MN//HĐBĐ ngày 14/7/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên nhằm để đảm bảo khoản nợ vay được ký kết giữa các đương sự, hợp đồng được công chứng chứng chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm. Hơn nữa, trước khi nhận thế chấp các tài sản theo ghi nhận tại hợp đồng thế chấp, nguyên đơn đã định giá, kiểm tra thực tế tài sản bảo đảm nên việc thế chấp nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, hiện đang ở trong căn nhà trên phần đất được thế chấp cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có ý kiến đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khi bị đơn không có khả năng thanh toán nợ cho nguyên đơn. Hơn nữa, tại thời điểm bị đơn thế chấp tài sản để vay vốn, người có quyền lợi và nghĩa

vụ liên quan cũng không có ý kiến gì phản đối hay tranh chấp với bị đơn, không có yêu cầu gì đối với căn nhà được xây dựng trên đất và không tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Vì vậy, cần buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là người đang ở trên đất cùng với bị đơn giao tài sản thế chấp cho nguyên đơn để xử lý phát mại thu hồi nợ là phù hợp.

[4] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần hết số nợ trên song Hội đồng xét xử xét thấy, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án dân sự nên không đề cập xem xét.

[5] Về án phí, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 327 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 100 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P.

- Buộc anh Nguyễn Việt S, chị Lê Thị N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P các khoản tính đến ngày 27/5/2025 với tổng số tiền là 1.265.331.281 đồng (một tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm tám mươi mốt đồng) trong đó, nợ gốc là 1.200.000.000 đồng và nợ lãi là 65.331.281 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 27/5/2025, anh Nguyễn Việt S và chị Lê Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà anh S, chị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Buộc anh Nguyễn Việt S, chị Lê Thị N cùng anh Lê Quốc D và chị Lê Thị L là người đang ở trên đất giao các tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Tân Quảng B, xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 329522 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 06/4/2020 đứng tên Lê Quốc D, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Tân ghi nhận thay đổi, chỉnh lý đứng tên Lê Thị N vào ngày 12/7/2023.

+ Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 276, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Tân Quảng B, xã Nguyễn Việt K, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 329521 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 06/4/2020 đứng tên Lê Quốc D, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Tân ghi nhận thay đổi, chỉnh lý đứng tên Lê Thị N vào ngày 12/7/2023.

Để xử lý phát mại theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thu hồi nợ cho Ngân hàng khi anh S, chị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

Anh Nguyễn Việt S, chị Lê Thị N phải chịu số tiền 49.960.000 đồng (bốn mươi chín triệu chín trăm sáu chục nghìn đồng - chưa nộp).

Ngân hàng thương mại cổ phần P không phải chịu. Ngày 26/11/2024, Ngân hàng thương mại cổ phần P đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 24.552.000 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003571 được trả lại toàn bộ cho Ngân hàng.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân